

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2022/HS- ST
Ngày 29 tháng 03 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Thu Hà;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La

2. Bà Ngô Thị Mai .

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2022/HSST-HS ngày 14/02/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HS ngày 03/03/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02 /2022/QĐ-HPT ngày 18/03/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Thân Thị L ; tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 1969; Nơi cư trú và hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Họ và tên bố: Thân Ngọc Ph (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L , sinh 1944; Gia đình có 06 anh, chị, em, bản thân là thứ hai; Họ và tên chồng: Trần Đức C , sinh năm 1963; Bị cáo có 02 con, son lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991.

- Nhân thân: Bản án số 22/2020/HSST ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B xử Thân Thị 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 33 tháng tù của bản án số 469/2016/HSPT ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 năm 09 tháng tù.

- Tiền án: Tại Bản án số 469/2016/HSPT ngày 15/8/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử 33 tháng tù về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu

nộp ngân sách nhà nước", quy định khoản 3 Điều 164a BLHS năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 11/06/2019

- Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý. Hiện đang được trích giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang để phục vụ việc giải quyết vụ án này. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Nguyễn Thị H ; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn Lân, sinh năm 1969; Họ và tên mẹ: Bùi Thị G , sinh 1969; Gia đình có 03, anh chị, em, bản thân là thứ hai; Họ và tên chồng: Trần Quyết Tiến, sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2020 con nhỏ sinh năm 2022; Nhân thân: Bản án số 22/2020/HSST ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B xử Nguyễn Thị H 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, quy định khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Tiền án, tiền sự: Không có.

- Bị cáo bị không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

Người liên quan:

1. Anh Trần Duy Th , sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ , xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Bùi Văn Hà, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội.

4. Anh Thân Thị H , sinh năm 1981

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang..

5. Anh Hoàng Văn Th , sinh năm 1979

Trú tại: thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Ngô Trí H , sinh năm 1957.

Địa chỉ: số 4, đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

7. Anh Nguyễn Đức V , sinh năm 1965.

Địa chỉ: số 110, tổ 9 Khối Vân, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

8. Anh Nguyễn Đức T , sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên

9. Chị Lục Thị T , sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang

10. Anh Đặng Thạch M sinh năm 1989 .

Địa chỉ: thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh B.

11. Anh Trần Quyết T , sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

12. Anh Nguyễn Khắc G , sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh B.

13. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

14. Công ty TNHH sản xuất bao bì A- Người đại diện Hứa Lợi H .

Địa chỉ: lô 21 cụm công nghiệp N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

15. Công ty TNHH xây dựng H - Người đại diện SHAO

Địa chỉ: số 589, đường Kã, phường Ng, quận B, thành phố Hà Nội.

16. Công TNHH T - Người đại diện Hoàng Thanh T

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

17. Công ty TNHH giấy H - Người đại diện Nguyễn Văn H

Địa chỉ : khu D, phường S, thành phố B, tỉnh B.

18. Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

19. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

20. Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

21. Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

22. Ủy ban nhân dân thị trấn Ch , huyện L, tỉnh Bắc Giang

24. Học viện Ngân hàng phân viện B

Địa chỉ: số 331, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh B.

25. Công TNHH Đức Anh 19- 5 - Người đại diện Nguyễn Thị H

Địa chỉ: tổ dân phố Thượng, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

26. Công ty TNHH PORTAL SAFETY - Người đại diện OH

Địa chỉ:N18, số nhà 08, đường N, phường V, thành phố B, tỉnh B.

27. Công ty cổ phần FECON - Người đại diện Nguyễn Văn Th

Địa chỉ : tầng 15, tháp CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

28. Công ty TNHH Tr - Người đại diện Trần Văn Nh

Địa chỉ: thôn B, xã H, huyện T, tỉnh B.

29. Công ty cổ phần Đại Lục JSC - Người đại diện Nguyễn Tuấn A

Địa chỉ: thôn Mao Độc, xã P, huyện Q, tỉnh B.

30. Công ty TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFALTURING Bắc Giang. Người đại diện Chung .

Địa chỉ: tại lô CN03, khu công nghiệp V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

31. Công ty TNHH DOO SUNG EMS VINA- Người đại diện YOON HEEK WAN.

Địa chỉ: tại cụm công nghiệp K, phường K, thành phố B, tỉnh B.

32. Công ty TNHH xây dựng H - Người đại diện Trần Minh H

Địa chỉ:phòng 808, tầng 8, tòa nhà 3A, ngõ 82, đường D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

33. Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng H - Người đại diện Nguyễn Thừa V.

Địa chỉ: thôn L , xã C, huyện G, tỉnh B

34. Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi 1 - Người đại diện Nguyễn H C.

Địa chỉ: khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh B.

35. Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng M

Địa chỉ: thôn Ấp Đ, thị trấn H , huyện T, tỉnh B.

36. Công ty cổ phần địa ốc A- Chi nhánh B

Địa chỉ: Lô A11-12B, đường H, phường V, thành phố B.

(Người liên quan có anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H xin xét xử vắng mặt, toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm H hạn thương mại dịch vụ và xây dựng Kh (sau đây gọi tắt là Công ty Kh) có mã số thuế: 2400850164, địa chỉ tại thôn Gi , xã Ng, huyện C, tỉnh Bắc Giang được thành lập và hoạt động ngày 18/10/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm H hạn một thành viên, giám đốc và người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Kh, sinh năm 1991 có địa chỉ tại thôn T, xã V, huyện G, tỉnh B. Công ty Kh là công ty được thành lập trái pháp luật (công ty ma), không phải do ông Nguyễn Kh thành lập và đại diện theo pháp luật, không hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký mà được thành lập để mua, bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Đối tượng thành lập Công ty trực tiếp tiến hành khắc dấu, làm thủ tục mở tài khoản tại Ngân hàng, đặt in hóa đơn, thông báo phát hành hóa đơn tại cơ quan thuế để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng.

Thân Thị , sinh năm 1969 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 (là con dâu của) cùng trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang đã bị Tòa án xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn của nhiều công ty đã bị xét xử thì và H còn thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng mang tên Công ty Kh, nhằm mục đích thu lợi cá nhân. khai, hóa đơn của Công ty Kh là do đối tượng tên H (không biết họ, địa chỉ của H ở đâu) đưa cho để bán cho người cần sử dụng hóa đơn.

Trong thời gian từ ngày 16/10/2018 đến tháng 11/2019, Công ty Kh đã xuất hóa đơn khống (không có hàng hóa) cho một số công ty, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hà Nội. Tổng số hóa đơn các công ty, đơn vị sử dụng mà Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ là 110 (một trăm mười) số. Tổng số tiền trước thuế là 28.248.246.102 đồng (hai mươi tám tỷ hai trăm bốn tám triệu hai trăm bốn sáu nghìn một trăm linh hai đồng), tổng số tiền thuế là 2.824.824.587 đồng (hai tỷ tám trăm hai mươi triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm tám bảy đồng), tổng số tiền sau thuế là 31.073.070.689 đồng (ba mươi một tỷ không trăm bảy ba triệu không trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám chín đồng). Trong số 110 hóa đơn mà Công ty Kh đã xuất cho các đơn vị sử dụng thì có 96 hóa đơn do H và thực hiện và H khai, khi bán hóa đơn Công ty Kh cho khách thì đối tượng tên là H đưa thông tin của đơn vị sử dụng hóa đơn kèm theo danh mục hàng hóa cùng Hóa đơn; Giấy ủy nhiệm chi; Giấy rút tiền mặt; Giấy giới thiệu cho . nhờ H viết hóa đơn, ký tên “Nguyễn Thị H ” vào các tờ hóa đơn, đồng thời bảo H viết Giấy ủy nhiệm chi, Giấy rút tiền mặt, ký tên “Trương Thị Thanh H ” ở mục kế toán trưởng trong các Giấy rút tiền mặt. Ngoài ra, còn nhờ con dâu là Nguyễn Thị H , sinh năm 1991,

trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang viết hộ các hóa đơn giá trị gia tăng Công ty Kh. Sau khi viết hóa đơn giá trị gia tăng xong, trực tiếp chuyển cho các cá nhân, đơn vị sử dụng hoặc bảo H chuyển các hóa đơn hộ.

Sau khi chuyển hóa đơn cho các cá nhân, đơn vị sử dụng, tự mình hoặc bảo H đem Giấy ủy nhiệm chi, Giấy rút tiền mặt và Giấy giới thiệu đến các Ngân hàng để làm thủ tục chuyển tiền từ đơn vị sử dụng sang Công ty Kh để hợp thức hóa các hóa đơn không. Các Giấy ủy nhiệm chi sử dụng để rút tiền đều do H ký tên ở mục “Kế toán trưởng”. Sau khi hoặc H chuyển tiền vào tài khoản Công ty Kh hoặc sau khi các đơn vị sử dụng hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản Công ty Kh thì, H tiến hành rút tiền để hạch toán số tiền đã chuyển. Sau khi giúp H bán hóa đơn thì được H mời đi ăn cơm hoặc đưa tiền để ăn cơm. Tiền chuyển vào tài khoản Công ty Kh do đưa cho H, sau khi rút tiền thì H đưa lại cho L đưa số tiền H rút và tiền rút cho H.

Ngoài ra trong quá trình giúp viết hóa đơn, Giấy ủy nhiệm chi, Giấy rút tiền mặt thì H còn trực tiếp bán hóa đơn Công ty Kh cho một số cá nhân khác nhưng H không nhớ cụ thể người mua, số lượng hóa đơn. Các hóa đơn này đều do đưa cho H bán. Số tiền bán hóa đơn H đưa lại hết cho.

*) Tổng số hóa đơn H viết là 71 (bảy mươi một), tương ứng tổng số tiền trước thuế là 21.093.364.517 đồng (hai mươi một tỷ không trăm chín mươi ba triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm mười bảy đồng), tổng số tiền thuế là 2.109.336.437 đồng (hai tỷ một trăm linh chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm ba bảy đồng), tổng số tiền sau thuế là 23.202.700.954 đồng (hai mươi ba tỷ hai trăm linh hai triệu bảy trăm nghìn chín trăm năm tư đồng). Cụ thể:

- Công ty TNHH sản xuất bao bì A có địa chỉ lô 21 cụm công nghiệp N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện Hứa Lợi H sử dụng 06 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000052 ngày 08/01/2019, số tiền sau thuế là 1.157.600.125 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000088 ngày 12/02/2019, số tiền sau thuế là 698.416.950 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000121 ngày 10/3/2019, số tiền sau thuế là 1.214.953.025 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000159 ngày 11/4/2019, số tiền sau thuế là 2.076.583.575 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000218 ngày 12/5/2019, số tiền sau thuế là 1.413.668.575 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000262 ngày 08/6/2019, số tiền sau thuế là 2.173.414.320 đồng;

- Công ty TNHH xây dựng H có địa chỉ tại số 589, đường K, phường N, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện SHAO sử dụng 21 hóa đơn để thanh toán công trình với Bùi Văn H, sinh năm 1981 trú tại thôn Y, xã T, huyện C, thành

phố Hà Nội; Hoàng Văn Th , sinh năm 1979 trú tại thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang và một số đối tượng khác, cụ thể: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000102 ngày 25/02/2019, số tiền sau thuế là 41.019.927 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000129 ngày 16/3/2019, số tiền sau thuế là 87.659.270 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000130 ngày 20/3/2019, số tiền sau thuế là 71.399.872 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000168 ngày 17/4/2019, số tiền sau thuế là 170.489.437 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000217 ngày 10/5/2019, số tiền sau thuế là 249.447.110 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000219 ngày 12/5/2019, số tiền sau thuế là 250.858.138 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000226 ngày 18/5/2019, số tiền sau thuế là 25.804.724 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000229 ngày 20/5/2019, số tiền sau thuế là 77.640.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000230 ngày 22/5/2019, số tiền sau thuế là 53.479.904 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 000036 ngày 27/5/2019, số tiền sau thuế là 87.037.935 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000240 ngày 28/5/2019, số tiền sau thuế là 286.359.785 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000247 ngày 31/5/2019, số tiền sau thuế là 870.159.269 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000271 ngày 15/6/2019, số tiền sau thuế là 51.704.980 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000274 ngày 17/6/2019, số tiền sau thuế là 138.108.906 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000275 ngày 18/6/2019, số tiền sau thuế là 183.061.253 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000283 ngày 25/6/2019, số tiền sau thuế là 20.797.524 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000289 ngày 28/6/2019, số tiền sau thuế là 48.159.914 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000293 ngày 28/6/2019, số tiền sau thuế là 51.184.188 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000306 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 3.367.210 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000312 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 154.822.890 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000315 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 224.214.000 đồng;

- Công TNHH T có địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện Hoàng Thanh T sử dụng 02 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000002 ngày 29/10/2018, số tiền sau thuế là 645.854.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000043 ngày 27/12/2018, số tiền sau thuế là 77.660.000 đồng;

- Công ty TNHH giấy H có địa chỉ tại khu D, phường S, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện Nguyễn Văn H sử dụng 04 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000056 ngày 10/01/2019, số tiền sau thuế là 366.661.680 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000064 ngày 14/01/2019, số tiền sau thuế là 367.012.800 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000074 ngày 26/01/2019, số tiền sau thuế là 360.914.400 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000103 ngày 25/02/2019, số tiền sau thuế là 549.995.600 đồng;

- Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000209 ngày 06/5/2019, số tiền sau thuế là 21.599.996 đồng;

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng 02 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000221 ngày 15/5/2019, số tiền sau thuế là 14.999.998 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000214 ngày 08/5/2019, số tiền sau thuế là 10.399.998 đồng.

- Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000225 ngày 15/5/2019, số tiền sau thuế là 17.549.996 đồng.

Các hóa đơn các xã trên đã sử dụng để thanh toán tiền mua vôi bột với Nguyễn Văn H , sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Học viện Ngân hàng phân viện B có địa chỉ tại số 331, đường N, phường S, thành phố B, tỉnh B sử dụng 08 hóa đơn để thanh toán tiền sửa chữa nhà thi đấu đa năng và tiền thuê xe với Trần Duy Th , sinh năm 1986 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang, cụ thể: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000051 ngày 08/01/2019, số tiền sau thuế là 94.879.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000120 ngày 09/3/2019, số tiền sau thuế là 3.600.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000123 ngày 14/3/2019, số tiền sau thuế là 1.500.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000125 ngày 15/3/2019, số tiền sau thuế là 2.800.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000135 ngày 22/3/2019, số tiền sau thuế là 2.500.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000147 ngày 03/4/2019, số tiền sau thuế là 1.500.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000255 ngày 03/6/2019, số tiền sau thuế là 1.500.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000264 ngày 08/6/2019, số tiền sau thuế là 2.200.000 đồng;

- Công TNHH Đ 19- 5 có địa chỉ tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện Nguyễn Thị H sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000110 ngày 28/02/2019, số tiền sau thuế là 114.840.000 đồng;

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000222 ngày 15/5/2019, số tiền sau thuế là 8.099.998 đồng;

- Ủy ban nhân dân thị trấn Ch , huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000254 ngày 03/6/2019, số tiền sau thuế là 9.599.999 đồng;

Các hóa đơn các xã trên đã sử dụng để thanh toán tiền mua vôi bột với Nguyễn Văn H , sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Công ty TNHH PORTAL SAFETY có địa chỉ tại N18, số nhà 08, đường N, phường V, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện OH sử dụng 04 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000148 ngày 03/4/2019, số tiền sau thuế là 45.277.100 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000202 ngày 30/4/2019, số tiền sau thuế là 36.393.500 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000242 ngày 30/5/2019, số tiền sau thuế là 36.743.300 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000295 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 33.455.500 đồng;

- Công ty cổ phần FECON có địa chỉ tại tầng 15, tháp CEO, lô HH2-1, khu đô thị M, đường P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện Nguyễn Văn Th sử dụng 04 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000097 ngày 24/02/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000197 ngày 26/4/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000235 ngày 26/5/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000310 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 57.250.000 đồng;

- Công ty TNHH T có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh B. Người đại diện Trần Văn Nh sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000025 ngày 09/12/2018, số tiền sau thuế là 219.820.144 đồng;

- Công ty cổ phần Đại Lực JSC có địa chỉ tại thôn M, xã P, huyện Q, tỉnh B. Người đại diện Nguyễn Tuấn A sử dụng 02 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000014 ngày 19/11/2018, số tiền sau thuế là 331.651.650 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000024 ngày 06/12/2018, số tiền sau thuế là 486.750.000 đồng;

- Công ty TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING Bắc Giang có địa chỉ tại lô CN03, khu công nghiệp V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện Chung sử dụng 01 hóa đơn: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000139 ngày 30/3/2019, số tiền sau thuế là 15.730.000 đồng;

- Công ty TNHH DOO SUNG EMS VINA có địa chỉ tại cụm công nghiệp K, phường K, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện YOON sử dụng 03 hóa đơn thông qua Đặng Thạch M , sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh B, cụ thể: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000200 ngày 30/4/2019, số tiền sau thuế là 33.132.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000243 ngày 31/5/2019, số tiền sau thuế là 46.702.700 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000294 ngày 30/6/2019, số tiền sau thuế là 57.164.800 đồng;

- Công ty TNHH xây dựng H có địa chỉ tại phòng 808, tầng 8, tòa nhà 3A, ngõ 82, đường D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Người đại diện Trần Minh H sử dụng 04 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000203 ngày 29/4/2019, số tiền sau thuế là 990.000.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000194 ngày 26/4/2019, số tiền sau thuế là 1.210.000.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000181 ngày 22/4/2019, số tiền sau thuế là 1.232.000.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000169 ngày 17/4/2019, số tiền sau thuế là 1.056.000.000 đồng;

- Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng H có địa chỉ tại thôn L, xã C, huyện B, tỉnh B. Người đại diện Nguyễn Thừa V sử dụng 02 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000040 ngày 23/12/2018, số tiền sau thuế là 1.107.150.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000045 ngày 30/12/2018, số tiền sau thuế là 1.215.500.000 đồng;

- Công ty cổ phần xây dựng T 1 có địa chỉ tại khu 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Người đại diện Nguyễn H C sử dụng 02 hóa đơn gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000065 ngày 15/01/2019, số tiền sau thuế là 196.650.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000075 ngày 26/01/2019, số tiền sau thuế là 121.000.000 đồng;

*) Ngoài ra H còn thực hiện việc rút tiền ở 04 (bốn) hóa đơn tương ứng tổng số tiền trước thuế là 771.474.309 đồng (bảy trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm linh chín đồng), tổng số tiền thuế là 77.147.430 đồng (bảy bảy triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi đồng), tổng số tiền sau thuế là 848.621.739 đồng (tám trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng). Cụ thể gồm 03 hóa đơn do Công ty TNHH xây dựng H sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000161 ngày 12/4/2019, số tiền sau thuế là 650.836.420 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000267 ngày 09/6/2019, số tiền sau thuế là 123.717.709 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000745 ngày 05/6/2019, số tiền sau thuế là 35.017.610 đồng; 01 hóa đơn do Công ty cổ phần FECON sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000065 ngày 25/3/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng.

*) Tổng số hóa đơn Nguyễn Thị H viết là 08 (tám), tương ứng tổng số tiền trước thuế là 755.674.812 đồng (bảy trăm năm mươi năm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm mười hai đồng), tổng số tiền thuế là 75.567.479 đồng (bảy mươi năm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng), tổng số tiền sau thuế là 831.242.291 đồng (tám trăm ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm chín mươi một đồng) gồm: 04 hóa đơn do Công ty H sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số

0000196 ngày 26/4/2019, số tiền sau thuế là 22.980.758 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000192 ngày 25/4/2019, số tiền sau thuế là 173.932.409 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000174 ngày 19/4/2019, số tiền sau thuế là 97.034.125 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000154 ngày 09/4/2019, số tiền sau thuế là 151.645.000 đồng; 01 hóa đơn do Công ty cổ phần xây dựng T sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000050 ngày 08/01/2019, số tiền sau thuế là 198.700.000 đồng; 01 hóa đơn do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng M VINA có địa chỉ thôn A, thị trấn H, huyện T, tỉnh B sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000107 ngày 26/02/2019, số tiền sau thuế là 136.400.000 đồng (đều do rút tiền); 01 hóa đơn do Công ty cổ phần F sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000065 ngày 25/3/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng (đều do H rút tiền); 01 hóa đơn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000232 ngày 24/5/2019, số tiền sau thuế là 11.500.000 đồng (do Thân Thị H, sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang rút tiền).

*) Tổng số hóa đơn mà trực tiếp thực hiện việc rút tiền qua tài khoản ngân hàng là 31 (ba mươi một) tương ứng tổng số tiền trước thuế là 6.822.685.876 đồng (sáu tỷ tám trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám năm nghìn tám trăm bảy sáu đồng), tổng số tiền thuế là 682.268.582 đồng (sáu trăm tám hai triệu hai trăm sáu tám nghìn năm trăm tám hai đồng), tổng số tiền sau thuế là 7.504.954.458 đồng (bảy tỷ năm trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm năm tám đồng). Trong đó có 06 (sáu) hóa đơn do Nguyễn Thị H viết, 10 (mười) hóa đơn do Nguyễn Thị H viết, còn lại 15 hóa đơn không xác định được người viết, cụ thể:

- Có 15 hóa đơn do Công ty H sử dụng, cụ thể: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000130 ngày 20/3/2019, số tiền sau thuế là 71.399.872 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000168 ngày 17/4/2019, số tiền sau thuế là 170.489.437 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000217 ngày 10/5/2019, số tiền sau thuế là 249.447.110 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000219 ngày 12/5/2019, số tiền sau thuế là 250.858.138 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000196 ngày 26/4/2019, số tiền sau thuế là 22.980.758 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000192 ngày 25/4/2019, số tiền sau thuế là 173.932.409 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000174 ngày 19/4/2019, số tiền sau thuế là 97.034.125 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000154 ngày 09/4/2019, số tiền sau thuế là 151.645.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000166 ngày 16/4/2019, số tiền sau thuế là 298.794.123 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000171 ngày 18/4/2019, số tiền sau thuế là 560.558.758 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000177 ngày 20/4/2019, số tiền sau thuế là 286.783.819 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000182 ngày 22/4/2019, số tiền sau thuế là 234.987.709 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số

0000187 ngày 23/4/2019, số tiền sau thuế là 514.483.790 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000193 ngày 25/4/2019, số tiền sau thuế là 78.420.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000199 ngày 26/4/2019, số tiền sau thuế là 61.179.890 đồng;

- Có 08 hóa đơn do Công ty cổ phần địa ốc H- Chi nhánh B có địa chỉ tại Lô A11-12B, đường H, phường V, thành phố B sử dụng gồm: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 000081 ngày 08/02/2019, số tiền sau thuế là 68.882.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000086 ngày 15/02/2019, số tiền sau thuế là 79.145.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000095 ngày 23/02/2019, số tiền sau thuế là 17.182.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000104 ngày 25/02/2019, số tiền sau thuế là 86.735.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000106 ngày 26/02/2019, số tiền sau thuế là 14.855.500 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000109 ngày 27/02/2019, số tiền sau thuế là 14.778.500 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000112 ngày 28/02/2019, số tiền sau thuế là 14.778.500 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000114 ngày 28/02/2019, số tiền sau thuế là 15.856.500 đồng;

- Có 01 hóa đơn do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000209 ngày 06/5/2019, số tiền sau thuế là 21.599.996 đồng;

- Có 01 hóa đơn do Công ty A sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000121 ngày 10/3/2019, số tiền sau thuế là 1.214.953.025 đồng;

- Có 01 hóa đơn do Công ty TNHH P sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000202 ngày 30/4/2019, số tiền sau thuế là 36.393.500 đồng;

- Có 01 hóa đơn do Công ty cổ phần F sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000097 ngày 24/02/2019, số tiền sau thuế là 39.050.000 đồng;

- Có 02 hóa đơn do Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng H sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000040 ngày 23/12/2018, số tiền sau thuế là 1.107.150.000 đồng; Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000045 ngày 30/12/2018, số tiền sau thuế là 1.215.500.000 đồng;

- Có 01 hóa đơn do Công ty cổ phần xây dựng T sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000050 ngày 08/01/2019, số tiền sau thuế là 198.700.000 đồng.

- Có 01 hóa đơn do Công ty M sử dụng: Hóa đơn ký hiệu KG/18P, số 0000107 ngày 26/02/2019, số tiền sau thuế là 136.400.000 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra xác định Nguyễn Thị H là người giúp sức cho bị cáo thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng Công ty Kh. Trong vụ

án này H không thu lợi bất chính, còn số tiền thu lợi bất chính, khai được H trả công bằng các bữa ăn nên Cơ quan điều tra không xác định được cụ thể.

Về việc in, bán, hủy hóa đơn, kê khai thuế của Công ty Kh: Quá trình điều tra, Chi cục thuế khu vực C- L xác định Công ty Kh thông báo phát hành tổng số 500 (năm trăm) hóa đơn, xóa bỏ 68 hóa đơn, sử dụng 151 hóa đơn. Hóa đơn chưa sử dụng là 181 số. Do việc kê khai thuế của Công ty Kh thực hiện bằng hình thức trực tuyến nên Cơ quan điều tra không xác định được đối tượng kê khai. Mặt khác có một số hóa đơn Công ty Kh kê khai xóa bỏ nhưng vẫn được một số đơn vị, công ty sử dụng để kê khai thuế nên việc kê khai của Công ty Kh là gian dối. Công ty Kh kê khai hàng hóa dịch vụ mua vào, tổng số tiền thuế giá trị gia tăng Công ty Kh đã nộp là 4.556.013 đồng (Bốn triệu năm trăm năm sáu nghìn không trăm mười ba đồng). Do việc đặt in hóa đơn thực hiện qua điện thoại, giao nhận hóa đơn thông qua xe khách và người trung gian nên không xác định được đối tượng đặt in hóa đơn.

Ngày 05/5/2021, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H thu giữ 01 sổ tay nhãn hiệu Hải Tiên, bên trong có 06 tờ giấy ghi chép ghi chữ số chữ viết nhưng không liên quan gì đến việc mua bán hóa đơn công ty Kh (BL 21).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 97 hóa đơn thu giữ Công ty Kh. Các kết luận giám định số 1558 ngày 28/10/2020; số 1151 ngày 20/7/2021; số 1797 ngày 11/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết “Hoa - Nguyễn Thị H ” dưới mục “Người bán hàng” và chữ viết in qua giấy than trên 63 số hóa đơn so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu là của cùng một người. Ngoài ra còn 08 hóa đơn các đơn vị sử dụng do chỉ thu được bản phô tô nên không giám định được nhưng H thừa nhận do H viết.

Căn cứ Kết luận giám định số 466 ngày 17/3/2021, số 1797 ngày 11/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang và kết quả sao kê tài khoản, đối chiếu các hóa đơn thu giữ xác định thực hiện việc rút tiền 31 hóa đơn, H rút tiền 33 hóa đơn (BL 935- 937h).

Vật chứng gồm: 97 hóa đơn gốc; 01 sổ tay nhãn hiệu Hải Tiên, bên trong có 06 tờ giấy ghi chép ghi chữ số chữ viết; 01 đĩa ghi âm, ghi hình hỏi cung , Cơ quan điều tra chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết.

Những vấn đề khác có liên quan

Đối với Nguyễn Thị H có hành vi viết 08 hóa đơn giá trị gia tăng hộ , quá trình điều tra đã làm rõ Huế chỉ viết theo sự hướng dẫn của , Huế không biết đó là

các hóa đơn bảo viết để bán trái phép nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý Huế đồng phạm với .

Đối với Trần Duy Th , sinh năm 1986 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang là người lấy 15 hóa đơn Công ty Kh từ H để quyết toán tiền xây dựng, sửa chữa nhà thi đấu, lái xe thuê cho Học viện Ngân hàng phân viện B và giúp Nguyễn Văn H , sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã Quang Châu, huyện H, tỉnh Bắc Giang sử dụng 07 hóa đơn trong việc quyết toán tiền bán vôi cho xã: B, T, T, Ph, M, thị trấn Ch của huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình điều tra đã làm rõ Thành sử dụng hóa đơn để thực hiện quyết toán hàng hóa có thật, khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định, bản thân Th và H không thu lợi bất chính. Mặt khác Thành không biết H mua bán trái phép hóa đơn mà chỉ nghĩ nhà H có công ty nên nhờ H lấy hóa đơn quyết toán hộ. Do đó Cơ quan điều tra xác định hành vi của Th và H không cấu thành tội phạm, thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Bùi Văn H , sinh năm 1981 trú tại thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là người sử dụng hóa đơn Công ty Kh để thanh toán tiền các công trình Hà xây dựng thực tế cho Công ty TNHH Xây dựng H. Quá trình điều tra, H khai do không có hóa đơn nên đã lấy các hóa đơn từ người không quen biết để thực hiện quyết toán tiền thi công với Công ty TNHH Xây dựng H. Khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định, bản thân H không thu lợi bất chính nên Cơ quan điều tra xác định hành vi của H không cấu thành tội phạm, thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng Thân Thị H , sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Quá trình điều tra làm rõ có hành vi rút tiền ở tài khoản Công ty Kh thuê cho một người không quen biết, không có căn cứ xác định đối tượng H thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Trong vụ án này chỉ có lời khai của anh Hoàng Văn T , sinh năm 1979 trú tại thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang thể hiện việc anh Th mua hóa đơn của đối tượng Thân Thị H nhưng anh Th không nhận dạng được đối tượng H là người bán hóa đơn cho mình. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý H.

Đối với các đối tượng Ngô Trí H, sinh năm 1957 trú tại số 4, đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Đức V , sinh năm 1965 trú tại số 110, tổ 9 Khối Vân, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội và Nguyễn Đức T , sinh năm 1985 trú tại thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên là những người rút tiền hộ

các đối tượng từ tài khoản Công ty Kh. Quá trình điều tra H , V , T không biết gì về việc mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với chị Lục Thị T , sinh năm 2001 trú tại thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người có tên trong Giấy rút tiền mặt rút tiền ở tài khoản Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh không có căn cứ xác định chị T thực hiện việc rút tiền. Chị T không biết các đối tượng sử dụng Chứng minh nhân dân của mình để rút tiền nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng Hoàng Văn Th , sinh năm 1979 trú tại thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang có hành vi sử dụng 07 (bảy) hóa đơn Công ty Kh để quyết toán tiền thi công với Công ty TNHH Xây dựng H và đối tượng Đặng Thạch Mẫn, sinh năm 1989 trú tại thôn Nga Hoàn, xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh B sử dụng 02 (hai) hóa đơn Công ty Kh để quyết toán tiền công lái xe thuê cho Công ty TNHH DooSung Ems Vina. Quá trình điều tra xác định hành vi của Hoàng Văn Thùy và Đặng Thạch Mẫn không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thời hiệu xử vi phạm hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng Trần Quyết T , sinh năm 1989 là con trai Thân Thị L là người mà Đặng Thạch M nhờ viết hộ 02 (hai) hóa đơn Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định hành vi của Trần Quyết T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thời hiệu xử vi phạm hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng H là đối tượng đưa Hóa đơn, Giấy ủy nhiệm chi, Giấy rút tiền mặt cho để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng do không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của H nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng viết các hóa đơn Công ty Kh mà Cơ quan điều tra đã thu giữ (trừ các hóa đơn do Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H viết), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng viết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng Trần Đức T , sinh năm 1980 trú tại Tổ dân phố Thượng, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là Giám đốc Công ty TNHH XD và TMT H và là người sử dụng Công ty TNHH Đ 19-5. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương. Đến nay thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra tách hành vi của Trần Đức S để tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn H , sinh năm 1986 trú tại thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn H , sinh năm 1982 trú tại thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Bùi Thị L , sinh năm 1988 trú tại thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh B có hành vi rút tiền ở tài khoản Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương, đến nay thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra tách hành vi của ba đối tượng để tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với các đối tượng thực hiện việc thành lập Công ty Kh, khắc dấu Công ty Kh, đặt in hóa đơn, thông báo phát hành hóa đơn, kê khai thuế. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng do các đối tượng thực hiện qua trung gian. Vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý các đối tượng này.

Đối với các Công ty sử dụng hóa đơn Công ty Kh gồm: Công ty TNHH sản xuất bao bì A, Công ty TNHH T, Công ty TNHH giấy H, Công ty TNHH Đ 19- 5, Công ty TNHH PORTAL , Công ty cổ phần F, Công ty TNHH T, Công ty cổ phần Đại Lục JSC, Công ty TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING Bắc Giang, Công ty TNHH xây dựng H, Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng H, Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi 1, Công ty cổ phần địa ốc An Huy-Chi nhánh B; các xã, thị trấn trên địa bàn huyện L, tỉnh Bắc Giang và Học Viện Ngân hàng phân viện B. Quá trình điều tra người đại diện của các đơn vị, công ty khai có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thực tế; người bán hàng, cung ứng dịch vụ được người không rõ lai lịch cụ thể đưa hóa đơn và chứng từ kèm theo để thanh toán với các đơn vị, công ty. Mặt khác, khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn thì các đơn vị, công ty trên đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định. Do đó Cơ quan điều tra không chứng minh được các đơn vị, công ty này có hành vi mua bán hóa đơn bất hợp pháp nên đã có Công văn đề nghị Cục thuế các đơn vị, địa phương xem xét xử lý hành chính các đơn vị, công ty đóng trên địa bàn về việc sử dụng hóa đơn Công ty Kh.

Đối với Công ty TNHH xây dựng Húc Huy Việt Nam, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Do thời hạn điều tra đã hết, cơ quan điều tra tách khỏi vụ án để tiếp tục điều tra khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Theo cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 06/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo Thân Thị , Nguyễn Thị H về tội “Mua bán

trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo Thân Thị L, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Người liên quan vắng mặt Hội đồng xét xử đã công bố lời khai tại cơ quan điều tra, các bị cáo không ai có ý kiến.

- Tại phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Lạng Giang giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Tuyên bố bị cáo Thân Thị L, Nguyễn Thị H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Thân Thị L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, tổng hợp hình phạt của bản án số 22/ 2020/ HSST ngày 04/05/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B về phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và tổng hợp với hình phạt của bản án số 469/2016 ngày 15/08/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 33 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo quy định tại khoản 3 Điều 164^a BLHS năm 1999. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 93 tháng đến 99 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/06/2019.

- Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2.2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 13 tháng đến 16 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Đối với 97 hóa đơn gốc; 01 sổ tay nhãn hiệu Hải Tiến, bên trong có 06 tờ giấy ghi chép ghi chữ số chữ viết; 01 đĩa ghi âm, ghi hình hỏi cung , Cơ quan điều tra chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Những người này đều đã được triệu tập hợp lệ; những người này đều đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã có trong hồ sơ vụ án. Và không có yêu cầu bổ sung nào khác. Xét thấy sự vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo một lần nữa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Thân Thị L, sinh năm 1969 trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang được đối tượng tên là H không rõ địa chỉ đưa cho các hóa đơn giá trị gia tăng chưa ghi nội dung và các giấy tờ liên quan đến việc chuyển tiền, rút tiền của Công ty Kh, địa chỉ tại thôn G, xã Ng, huyện C, tỉnh Bắc Giang để bán trái phép hóa đơn. Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang là con dâu đã giúp viết, ký vào hóa đơn và các giấy tờ chuyển tiền rút tiền liên quan.

Trong thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 11 năm 2019, Thân Thị L và Nguyễn Thị H đã có hành vi bán trái phép 96 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty Kh với tổng số tiền trước thuế ghi trên các hóa đơn là 24.708.578.266 đồng. và L khai được H mời đi ăn cơm hoặc cho tiền để ăn cơm không nhớ là bao nhiêu tiền nên không có căn cứ xác định số tiền L và H thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, khi phạm tội có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo Thân Thị L, Nguyễn Thị H về tội “ “Mua bán trái phép hóa

đơn” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015 là phù hợp và có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các loại hóa đơn thu nộp ngân sách Nhà nước, các quy định trong lĩnh vực thuế, xâm phạm đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm ngân sách Nhà nước. Các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu đã ghi nội dung, nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân : Bị cáo Thân Thị L, Nguyễn Thị H có nhân thân xấu, bị cáo Thân Thị L năm 2016 và năm 2020 đã bị Tòa án xét xử về tội “ Mua bán trái phép hóa đơn, bị cáo Nguyễn Thị H năm 2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Mua bán trái phép hóa đơn” nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, do vậy lần phạm tội này phải xử các bị cáo thật nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Thân Thị L là người chủ mưu trong việc mua bán hóa đơn, trực tiếp nhận hóa đơn từ người của Công ty Kh để bán cho các Công ty có nhu cầu mua hóa đơn, nhờ H viết hóa đơn, việc nhận tiền và chuyển tiền cho Công ty Kh trực tiếp là người làm, là người được công ty Kh cảm ơn sau khi viết hóa đơn bán cho các công ty có nhu cầu mua hóa đơn. Bị cáo H có vai trò đồng phạm giúp sức, được nhờ viết các hóa đơn H giúp viết và ký không các hóa đơn ở các mục Kế toán trưởng trong giấy rút tiền, trực tiếp ra ngân hàng chuyển tiền hộ .

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo Thân Thị L phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích lần này là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, Bị cáo Nguyễn Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Sau khi xem xét mọi mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo Thân Thị L và Nguyễn Thị H thể hiện sự coi thường pháp luật, các bị cáo có nhân thân xấu bị cáo L đã 02 lần bị xử phạt tù có thời hạn, bị cáo H đã 01 lần bị

xử phạt tù, các lần phạm tội trước của 02 bị cáo đều là tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do vậy lần phạm tội này, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và bị cáo H, có nh vậy mới đủ điều kiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo H cùng với thời điểm phạm tội mua bán trái phép hoá đơn đã được Toà án tỉnh B xét xử vào năm 2020, nên khi quyết định hình phạt trong vụ án này cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[7]. Đối với Thân Thị L, Bản án số 22/2020/HSST ngày 04/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B xử Thân Thị L 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với 33 tháng tù của bản án số 469/2016/HSPT ngày 15/8/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 5 năm 09 tháng tù. Lần phạm tội này của bị cáo cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của nhiều bản án.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi, tuy nhiên bị cáo L hiện đang chấp hành án phạt tù, về trách nhiệm dân sự trong các vụ án trước vẫn chưa nộp phạt, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo H hiện nay không có việc làm, đang nuôi 02 con nhỏ, chồng hiện đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện kinh tế, nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo và bị cáo H.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 97 hóa đơn gốc; 01 sổ tay nhãn hiệu Hải Tiến, bên trong có 06 tờ giấy ghi chép ghi chữ số chữ viết; 01 đĩa ghi âm, ghi hình hồi cung , Cơ quan điều tra chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết.

[10] Về các nội dung khác:

Đối với Nguyễn Thị H có hành vi viết 08 hóa đơn giá trị gia tăng hộ , quá trình điều tra đã làm rõ H chỉ viết theo sự hướng dẫn của, H không biết đó là các hóa đơn L bảo viết để bán trái phép nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý H đồng phạm với . HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Trần Duy sinh năm 1986 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang là người lấy 15 hóa đơn Công ty Kh từ H để quyết toán tiền xây dựng, sửa chữa nhà thi đấu, lái xe thuê cho Học viện Ngân hàng phân viện B và giúp Nguyễn Văn H , sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang sử dụng 07 hóa đơn trong việc quyết toán tiền bán vôi cho xã: B, T, T, Ph, M, thị trấn Ch của huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình điều tra đã làm rõ Th sử dụng hóa đơn để thực hiện quyết toán hàng hóa có thật, khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định, bản thân Th và H không thu lợi bất chính. Mặt khác Th không biết H mua bán trái phép hóa đơn mà chỉ

nghỉ nhà H có công ty nên nhờ H lấy hóa đơn quyết toán hộ. Do đó Cơ quan điều tra xác định hành vi của Th và H không cấu thành tội phạm, thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Bùi Văn H, sinh năm 1981 trú tại thôn Y, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội là người sử dụng hóa đơn Công ty Kh để thanh toán tiền các công trình H xây dựng thực tế cho Công ty TNHH Xây dựng H. Quá trình điều tra, H khai do không có hóa đơn nên đã lấy các hóa đơn từ người không quen biết để thực hiện quyết toán tiền thi công với Công ty TNHH Xây dựng H. Khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định, bản thân H không thu lợi bất chính nên Cơ quan điều tra xác định hành vi của H không cấu thành tội phạm, thời hiệu xử phạt hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng Thân Thị H, sinh năm 1981 trú tại thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Quá trình điều tra làm rõ có hành vi rút tiền ở tài khoản Công ty Kh thuê cho một người không quen biết, không có căn cứ xác định đối tượng H thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Trong vụ án này chỉ có lời khai của anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1979 trú tại thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang thể hiện việc anh Th mua hóa đơn của đối tượng Thân Thị H nhưng anh Th không nhận dạng được đối tượng H là người bán hóa đơn cho mình. Do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý H. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng Ngô Trí H, sinh năm 1957 trú tại số 4, đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Nguyễn Đức V, sinh năm 1965 trú tại số 110, tổ 9 K, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội và Nguyễn Đức T, sinh năm 1985 trú tại thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên là những người rút tiền hộ các đối tượng từ tài khoản Công ty Kh. Quá trình điều tra H, V, T không biết gì về việc mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chị Lục Thị T, sinh năm 2001 trú tại thôn T, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người có tên trong Giấy rút tiền mặt rút tiền ở tài khoản Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh không có căn cứ xác định chị T thực hiện việc rút tiền. Chị không biết các đối tượng sử dụng Chứng minh nhân dân của mình để rút tiền nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng Hoàng Văn Th, sinh năm 1979 trú tại thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Bắc Giang có hành vi sử dụng 07 (bảy) hóa đơn Công ty Kh để

quyết toán tiền thi công với Công ty TNHH Xây dựng H và đối tượng Đặng Thạch M , sinh năm 1989 trú tại thôn N, xã Y, huyện Q, tỉnh B sử dụng 02 (hai) hóa đơn Công ty Kh để quyết toán tiền công lái xe thuê cho Công ty TNHH DooSung Ems Vina. Quá trình điều tra xác định hành vi của Hoàng Văn Th và Đặng Thạch M không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và thời hiệu xử vi phạm hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng Trần Quyết T , sinh năm 1989 là con trai Thân Thị L là người mà Đặng Thạch M nhờ viết hộ 02 (hai) hóa đơn Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định hành vi của Trần Quyết T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, thời hiệu xử vi phạm hành chính đã hết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng H là đối tượng đưa Hóa đơn, Giấy ủy nhiệm chi, Giấy rút tiền mặt cho để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng do không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của H nên không có căn cứ xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng viết các hóa đơn Công ty Kh mà Cơ quan điều tra đã thu giữ (trừ các hóa đơn do Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị H viết), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng viết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với đối tượng Trần Đức T , sinh năm 1980 trú tại Tổ dân phố T , thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là Giám đốc Công ty TNHH XD và TMTH Tuấn Thanh và là người sử dụng Công ty TNHH Đức Anh 19-5. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương. Đến nay thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra tách hành vi của Trần Đức T để tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn H , sinh năm 1986 trú tại thôn K xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Văn H , sinh năm 1982 trú tại thôn D, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Bùi Thị L , sinh năm 1988 trú tại thôn P, xã C, huyện Q, tỉnh B có hành vi rút tiền ở tài khoản Công ty Kh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương, đến nay thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra tách hành vi của ba đối tượng để tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý sau. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các đối tượng thực hiện việc thành lập Công ty Kh, khắc dấu Công ty Kh, đặt in hóa đơn, thông báo phát hành hóa đơn, kê khai thuế. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng do các đối tượng

thực hiện qua trung gian. Vì vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý các đối tượng này. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các Công ty sử dụng hóa đơn Công ty Kh gồm: Công ty TNHH sản xuất bao bì An Mỹ, Công ty TNHH Tùng Đại Lộc, Công ty TNHH giấy Hạnh Hiên, Công ty TNHH Đức Anh 19- 5, Công ty TNHH PORTAL SAFETY, Công ty cổ phần FECON, Công ty TNHH Trọng Cường, Công ty cổ phần Đại Lục JSC, Công ty TNHH SMART SHIRTS GARMENTS MANUFACTURING Bắc Giang, Công ty TNHH xây dựng Húc Huy Việt Nam, Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Hùng Dũng, Công ty cổ phần xây dựng Thủy Lợi 1, Công ty cổ phần địa ốc An Huy- Chi nhánh B; các xã, thị trấn trên địa bàn huyện L, tỉnh Bắc Giang và Học Viện Ngân hàng phân viện B. Quá trình điều tra người đại diện của các đơn vị, công ty khai có ký hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thực tế; người bán hàng, cung ứng dịch vụ được người không rõ lai lịch cụ thể đưa hóa đơn và chứng từ kèm theo để thanh toán với các đơn vị, công ty. Mặt khác, khi thanh toán tiền ghi trên hóa đơn thì các đơn vị, công ty trên đều phải thanh toán đủ 10% thuế giá trị gia tăng theo quy định. Do đó Cơ quan điều tra không chứng minh được các đơn vị, công ty này có hành vi mua bán hóa đơn bất hợp pháp nên đã có Công văn đề nghị Cục thuế các đơn vị, địa phương xem xét xử lý hành chính các đơn vị, công ty đóng trên địa bàn về việc sử dụng hóa đơn Công ty Kh. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Công ty TNHH xây dựng H, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Do thời hạn điều tra đã hết, cơ quan điều tra tách khỏi vụ án để tiếp tục điều tra khi nào xác minh được sẽ xử lý sau. HĐ nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

[11] .Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 .Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

1.1 Xử phạt : Thân Thị L 01 (một) năm, 10 (mười) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép hóa đơn”, tổng hợp hình phạt của bản án số 22/ 2020/ HSST-

04/05/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B về phạt bị cáo 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và tổng hợp với hình phạt của bản án số 469/2016 ngày 15/08/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước” theo quy định tại khoản 3 Điều 164^a BLHS năm 1999. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/06/2019.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1 điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một) năm, 01 (một) tháng tù về tội “tội “ Mua bán trái phép hóa đơn” , thời gian tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Đối với 97 hóa đơn gốc; 01 sổ tay nhãn hiệu Hải Tiên, bên trong có 06 tờ giấy ghi chép ghi chữ số chữ viết; 01 đĩa ghi âm, ghi hình hồi cung , lưu trong hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự
Bị cáo, người liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Lê Thu Hà

